TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 97/2019/DS-PT
Ngày: 05/4/2019
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Bà Trần Thị T Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 03 và ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp: "*Hợp đồng góp hụi".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 212/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị G, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1976;

2. Ông Phan Văn Th, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Ngọc, sinh năm 1981; (có mặt)

Trú tại: Thôn Trung Lạc,Xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: Tòa nhà 3C Phổ Quang, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí M.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – bà Võ Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,nguyên đơn – bà Võ Thị G trình bày: Bà là chủ đầu thảo dây hụi tháng 5.000.000 đồng, gồm 29 phần mở ngày 29/9/2015. Vợ chồng bà Ph tham gia 02

phần. Tại kỳ mở hụi ngày 29/11/2015 vợ chồng bà Ph trúng thăm lĩnh hụi 01 phần. Phần còn lại phải chơi đến kỳ thứ 19 mới được hốt nhưng đến kỳ thứ 11 bà Ph đòi hốt phần còn lại. Bà vẫn cho bà Ph hốt nhưng bà Ph không trúng thăm. Sau đó bà đến nhà bà Ph gom hụi sống, hụi chết thì bà Ph trả lời chừng nào hốt được phần hụi thứ 2 mới đóng hụi chết và ngưng đóng hụi đến nay. Phần hụi sống còn lại bà Ph đã đăng tiền cụ thể như sau:

- Ngày 29/9/2015 đăng 4.000.000 đồng.
- Ngày 29/10/2015 đăng 3.800.000 đồng.
- Ngày 29/11/2015 đăng 3.630.000 đồng.
- Ngày 29/12/2015 đăng 3.740.000 đồng.
- Ngày 29/01/2016 đăng 3.700.000 đồng.
- Ngày 29/02/2016 đăng 3.800.000 đồng.
- Ngày 29/3/2016 đăng 3.900.000 đồng.
- Ngày 29/4/2016 đăng 3.500.000 đồng.
- Ngày 29/5/2016 đăng 3.700.000 đồng.
- Ngày 29/6/2016 đăng 3.700.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi thực đăng là 37.470.000 đồng.

Vợ chồng bà Ph còn nợ 19 kỳ hụi chết là 95.000.000 đồng.

Khấu trừ phần hụi sống đã đăng 37.470.000 đồng thì vợ chồng bà Ph còn nợ tiền hụi của bà là 57.530.000 đồng.

Bà G yêu cầu bà Ph, ông Th phải trả cho bà 57.530.000 đồng làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 06/9/2018, bà G có bản tường trình đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Ph với nội dung là bà không đồng ý việc bị đơn phản tố yêu cầu bà trả 5.000.000 đồng sau khi bù trừ Ng vụ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà G yêu cầu bà Ph, ông Th trả 19 kỳ hụi chết chưa đóng 95.000.000 đồng, bà sẽ trả lại vợ chồng bà Ph 10 kỳ hụi sống đã đóng sau khi trừ 2.500.000 đồng tiền đầu thảo là 47.500.000 đồng. Sau khi cấn từ như vậy bà Ph, ông Th còn phải trả cho bà 47.500.000 đồng. Đồng thời bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Ph.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ph, ông Phan Văn Th (Sinh) trình bày: Ngày 29/9/2015 âm lịch bà Ph có chơi hụi do bà G làm đầu thảo, bà Ph ghi trong giấy tờ là 29 người, loại hụi 5.000.000 đồng/tháng. Bà vô 02 phần đã trúng thăm hốt ngày 29/11/2015, đăng lần cuối hụi chết vào tháng 11/2016 (là 15 tháng hụi chết) với số tiền 60.000.000 đồng.

Phần hụi sống còn lại đăng lần cuối vào tháng 11/2016 (là 15 phần) với số tiền 75.000.000 đồng.

Sự việc chơi hụi chỉ có bà chơi với bà G nhưng bà G liệt kê có ông Th tham gia là không đúng.

Tại đơn phản tố ngày 12/8/2018 bà Ph yêu cầu bà G trả 5.000.000đồng sau khi bù trừ Ng vụ mà bà đã đóng hụi sống (15 phần), hụi chết (14 phần) còn nợ cho bà G.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà G. Đồng thời bà Ph yêu cầu bà G phải trả cho bà 5.000.000 đồng tiền hụi còn dư sau khi cấn trừ các phần hụi chết, hụi sống bà đã đóng. Tuy nhiên bà Ph tự nguyện không nhận lại 5.000.000 đồng trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 212/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 17/11/2006; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị G.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ph không cần bà G trả lại 5.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/11/2018, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do bà G không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về thủ tục tố tụng và nội dung của bản án sơ thẩm: Bà Ph có tham gia 02 phần hụi của dây hụi 5.000.000 đồng do bà G làm chủ thảo, bà G giao cho các hụi viên danh sách hụi để tự theo dõi. Bà G đã không thực hiện đúng nhiệm vụ của người chủ hụi theo qui định mà bà G chỉ giao sổ hụi cho các hụi viên tự theo dõi, bà G cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng M; Người làm chứng gồm có H, Ng trình bày bà Ph ngưng đóng hụi từ tháng 11, nên án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của bà Võ Thị G, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" là có căn cứ. Đối với số tiền phản tố 5.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm bà Ph tự nguyện không nhận lại, các đương sự không có kháng cáo đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét .

[2]Về nội dung: Bà Võ Thị G và bà Nguyễn Thị Ph có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc cùng trình bày thống nhất như sau: Bà G là chủ thảo dây hụi khui ngày 29/9/2015 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng/01 phần gồm 29 phần, bà Ph tham gia hai phần. Đến kỳ khui hụi thứ ba (29/11/2015) bà Ph hốt 01 phần, còn lại 01 phần hụi sống. Sau khi hốt hụi phần 1 thì bà Ph và bà G trình bày không thống nhất về số tiền đã đóng và

phát sinh tranh chấp. Bà G cho rằng bà Ph đóng cả 02 phần hụi (01 phần sống và 01 phần chết) được tất cả 11 kỳ (29/6/2016 âm lịch) thì ngưng đóng hụi sống và hụi chết. Bà Ph thì cho rằng bà đóng cả 02 phần hụi (01 phần sống và 01 phần chết) được tất cả 15 kỳ, đến kỳ thứ 16 bà Ph hốt phần hụi sống còn lại thì bà G không cho hốt hụi nên bà Ph không tiếp tục đóng hụi, hai bên phát sinh tranh chấp. Ông Th thì cho rằng không tham gia chơi hụi với bà G.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của Bà G, Hội đồng xét xử thấy rằng. Hợp đồng góp hụi giữa bà G và bà Ph đã thực tế phát sinh, Bà Ph đã hốt 01 phần hụi vào kỳ khui hụi thứ ba là đúng, do các bên cùng thừa nhận. Riêng về số kỳ đóng hụi thì các bên trình bày không thống nhất và không có chứng cứ gì để chứng M. Quá trình giao dịch chơi hụi thì giữa bà G và bà Ph đều tự theo dõi cá nhân mà không có việc ký tên khi đóng hụi sống, hụi chết. Căn cứ tài liệu T thập có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định như sau: Trước hết, cả nguyên đơn và bị đơn đều không chứng M được số tiền cũng như số lần đóng hụi của bà Ph cũng như số lần nhận tiền hụi của bà G. Nguyên đơn có cung cấp tờ tường trình cũng như lời khai của các nhân chứng bao gồm: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, Trần Hoài Diễm T, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M, và Trần Văn Ng là những người chơi hụi chung làm chứng. Xét lời trình bày của những người làm chứng này cũng không có cơ sở để chứng M về số lần đóng hụi của bà Ph cũng như số lần góp tiền của bà G. Bởi lẽ, những nhân chứng này cho rằng bà Ph khui hụi đến kỳ thứ 11 thì bỏ thăm hốt hụi phần hụi sống thứ hai, bà G không cho hốt hụi rồi ngưng luôn, việc xác định bà Ph đóng hụi đến kỳ thứ mấy thì các nhân chứng này đều cho rằng nghe bà G nói là bà Ph đóng tiền hụi đến kỳ thứ 11, như vậy lời trình bày của các nhân chứng này là phiếm diện, chỉ nghe thông tin từ bà G mà thôi. Riêng ông Ng và bà H thì cho rằng bà Ph đóng hụi đến tháng 11 thì ngưng. Cho nên lời trình bày của những người nhân chứng gồm Trần Hoài Diễm T, Nguyễn Thị N, Phạm Thị M không có giá trị xác thực. Xét chứng cứ là các sổ sách do các bên tự theo dõi, Bà G cung cấp chứng cứ là Danh sách hụi viên ghi bằng cách viết tay và 01 danh sách hụi viên đánh máy tên hụi viên (bút lục 30, 31). Bà Ph cung cấp 02 sổ hụi có đánh máy vi tính sẵn tên hụi viên (bút lục 43, 44, 45). Xét thấy, sổ hụi có đánh máy vi tính ghi sẵn tên hụi viên tại bút lục số 30 (do bà G cung cấp) và sổ hụi do chị Ph cung cấp tại bút lục số 43 là hoàn toàn giống nhau về hình thức và thứ tự tên hụi viên đã đánh máy sẵn. Xét về việc tự theo dõi của mỗi bên thì bà G tự ghi tại mục tên ở số thứ tự 25, 26 đã thể hiện: Tại cột (Bỏ lời/ngày), số 25 thể hiện bỏ hụi 1.370 ngày 29/11/2015, số 26 thể hiện 1.300 ngày 29/01/2017. Chứng cứ của bà G cung cấp đã thể hiện chị Ph bỏ hụi phần thứ hai (cột 26) vào ngày 29/01/2017 âm lịch, đối chiếu với ngày khui hụi là 29/9/2015 âm lịch thì kỳ khui hụi ngày 29/01/2017 là kỳ thứ 16. Trong khi đó chị Ph khai đã đóng 01 phần hụi sống và 01 phần hụi chết được 15 kỳ là có cơ sở, phù hợp với tờ giấy hụi do chị Ph theo dõi cá nhân, phù hợp với lời trình bày của nhân chứng Nguyễn Thị Mỹ H và Trần Văn Ng khai bà Ph đóng hụi đến tháng 11. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xác định bà Ph đóng 15 kỳ hụi cho 02 phần hụi sống và hụi chết là có cơ sở. Như vậy, đối với phần hụi chết thì chị Ph còn nợ 14 kỳ x 5.000.000đồng/kỳ = 70.000.000đồng, phần hụi sống chị Ph đóng 15 kỳ x 5.000.000 đồng/kỳ = 75.000.000 đồng nhưng chị Ph chưa hốt hụi nên khấu trừ số tiền hụi chết chị Ph còn nợ bà G và số tiền hụi sống chị Ph chưa hốt hụi thì bà G còn nợ chị Ph 5.000.000 đồng, chị Ph có phản tố đòi số tiền này nhưng tại phiên tòa chị Ph tự nguyện không nhận số tiền này được Tòa án sơ thẩm ghi nhận, đây là quyền tự định đoạt của đương sự. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của bà G, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo nên bà G phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 17/11/2006 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị G, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 212/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị G đòi bà Nguyễn Thị Ph phải trả số tiền 47.500.000 đồng .

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Ph.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ph không cần bà G trả lại số tiền 5.000.000 đồng.

4. Về án phí:

- Bà Võ Thị G phải chịu 2.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, cộng chung là 2.925.000 đồng. Được được khấu trừ vào số tiền 1.439.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số 08419 ngày 30/3/2018 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai T số 09418 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên bà G phải nộp tiếp số tiền 1.186.000 đồng.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai T số 09136 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 4 năm 2019.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, TG;
- CCTHADS huyện Cái Bè, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Đạt